

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN Đ
TỈNH LÂM ĐỒNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 08/2021/HNGĐ-ST
Ngày: 22/01/2021.
V/v “Tranh chấp ly hôn”.

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN Đ, TỈNH LÂM ĐỒNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Phụng Diễm.

Các Hội thẩm nhân dân: - Ông Cao Đình Nhân.

- Bà Nguyễn Thị Ngọc.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trịnh Thị Lan Anh – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng tham gia phiên tòa: Ông Phạm Văn Bảng – Kiểm sát viên.

Ngày 22/01/2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 468/2020/TLST–HNGĐ ngày 14/10/2020 về việc: “Tranh chấp ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 01/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 06/01/2021 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị Bích L sinh năm 1992; trú tại: Số 8/10, thôn B, xã H, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng.

2. *Bị đơn:* Ông Trần Viết T sinh năm 1985; trú tại: Số 142/3, thôn T, xã H, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng.

Tại phiên tòa, bà L và ông T có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Bích L:

- *Về quan hệ hôn nhân:* Bà và ông Trần Viết T kết hôn năm 2015, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng. Hôn nhân tự nguyện, có tổ chức lễ cưới hỏi theo phong tục tập quán. Sau khi cưới vợ chồng chung sống tại xã H, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng. Sau khi cưới vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2018 phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do không cùng quan điểm, ông T bắt đầu cờ bạc, rượu chè thường xuyên và có những lời lẽ xúc phạm danh dự, nhân

phẩm của bà và gia đình bà. Nay bà xác định tình cảm vợ chồng không còn, bà yêu cầu xin ly hôn với ông Trần Viết T.

- *Về con chung*: Vợ chồng bà có 01 con chung tên Trần Ngọc N, sinh ngày 26/11/2015. Khi ly hôn bà yêu cầu được nuôi con chung cho đến ngày con chung thành niên.

- *Về cấp dưỡng*: Bà yêu cầu ông Trần Viết T cấp dưỡng nuôi con chung 2.000.000 đồng/tháng, thời gian cấp dưỡng tính từ khi có quyết định của Tòa án cho đến ngày con chung thành niên.

- *Về tài sản chung và nợ chung*: Vợ chồng bà tự thỏa thuận, bà không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ý kiến của bị đơn ông Trần Viết T:

- *Về quan hệ hôn nhân*: Ông và bà Nguyễn Thị Bích L kết hôn năm 2015, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng. Hôn nhân tự nguyện, có tổ chức lễ cưới hỏi theo phong tục tập quán. Sau khi cưới vợ chồng chung sống tại xã H, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng. Sau khi cưới vợ chồng chung sống hạnh phúc, thỉnh thoảng có phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do bất đồng quan điểm. Nay bà L yêu cầu xin ly hôn, ông xác định tình cảm vợ chồng không còn, ông không đồng ý ly hôn. Ông yêu cầu Tòa án tiến hành hòa giải để vợ chồng trở về chung sống.

- *Về con chung*: Vợ chồng ông có 01 con chung tên Trần Ngọc N, sinh ngày 26/11/2015. Khi ly hôn ông yêu cầu giao bà Nguyễn Thị Bích L được nuôi con chung cho đến ngày con chung thành niên.

- *Về cấp dưỡng*: Ông cấp dưỡng nuôi con chung 2.000.000 đồng/tháng, thời gian cấp dưỡng tính từ khi có quyết định của Tòa án cho đến ngày con chung thành niên.

- *Về tài sản chung và nợ chung*: Vợ chồng ông tự thỏa thuận, ông không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tòa án đã tiến hành phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng không thành.

Tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ:

- *Về việc tuân theo pháp luật*: Thẩm phán đã thực hiện việc tuân theo pháp luật đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; Hội đồng xét xử và thư ký tại phiên tòa thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nguyên đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình, bị đơn vắng mặt chưa thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- *Về nội dung vụ án:* Đề nghị chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà L, xử cho bà L với ông T ly hôn; giao con chung cho bà L nuôi dưỡng đến ngày con chung thành niên; buộc ông T phải cấp dưỡng nuôi con chung 1.200.000 đồng/tháng, cấp dưỡng cho đến ngày con chung thành niên; Nợ chung không có; tài sản chung không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Đây là vụ án hôn nhân và gia đình về việc: “Tranh chấp ly hôn” giữa nguyên đơn bà L với bị đơn ông T. Theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng.

[2] Về nội dung:

- Về quan hệ hôn nhân:

Bà L với ông Trần Viết T kết hôn năm 2015, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng. Hôn nhân tự nguyện, có tổ chức lễ cưới hỏi theo phong tục tập quán. Sau khi cưới vợ chồng chung sống tại xã H, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng. Sau khi cưới vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2018 phát sinh mâu thuẫn. Bà L cho rằng nguyên nhân do không cùng quan điểm, ông T bắt đầu cờ bạc, rượu chè thường xuyên và có những lời lẽ xúc phạm danh dự, nhân phẩm của bà và gia đình bà. Nay bà xác định tình cảm vợ chồng không còn, bà yêu cầu xin ly hôn với ông Trần Viết T. Còn ông T xác định tình cảm vợ chồng vẫn còn nên không đồng ý ly hôn. Xét thấy mâu thuẫn giữa bà L với ông T đã trầm trọng, kéo dài, bà L với ông T đã sống ly thân với nhau từ tháng 02/2020 đến nay. Ông T muốn hàn gắn quan hệ hôn nhân với bà L nhưng ông không có thiện chí cũng như biện pháp để giải quyết mâu thuẫn giữa vợ chồng, hiện nay mỗi người đều có cuộc sống riêng, không còn sự quan tâm chăm sóc lẫn nhau, mục đích hôn nhân không đạt được chấp nhận yêu cầu của bà L.

- *Về con chung:* Bà L với ông Trần Viết T có 01 con chung tên Trần Ngọc N, sinh ngày 26/11/2015. Hiện con chung đang sống chung với bà L. Khi ly hôn bà L yêu cầu được nuôi con chung cho đến ngày con chung thành niên. Xét thấy, con chung hiện đang sống với bà L, bà L yêu cầu nuôi con và ông T cũng đồng ý giao con chung cho bà L nuôi dưỡng. Do đó, công nhận sự thỏa thuận của các bên và để đảm bảo cho cháu có cuộc sống ổn định cũng như điều kiện để cháu phát triển về mọi mặt nên giao cháu cho bà L trực tiếp nuôi dưỡng cho đến ngày các con chung thành niên là phù hợp là phù hợp theo quy định tại khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

- *Về cấp dưỡng*: Tại phiên tòa, bà L và ông T thỏa thuận, ông T cấp dưỡng nuôi con chung 1.200.000 đồng/tháng, cấp dưỡng hàng tháng, thời gian cấp dưỡng tính từ ngày bản án có hiệu lực cho đến ngày con chung thành niên. Xét thấy, đây là sự tự nguyện thỏa thuận của các đương sự, phù hợp với quy định của pháp luật nên được công nhận.

- *Về tài sản chung và nợ chung*: Bà L với ông T tự thỏa thuận về tài sản chung không yêu cầu Tòa án giải quyết; Bà L với ông T không có nợ chung.

[3] Về án phí: Buộc bà L phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình về việc khởi kiện ly hôn. Ông T phải chịu 300.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 110, Điều 116, Điều 117 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Căn cứ Điều 26 Luật Thi hành án dân sự năm 2008;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. *Về quan hệ hôn nhân*: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Nguyễn Thị Bích L, xử cho bà Nguyễn Thị Bích L với ông Trần Viết T ly hôn.

2. *Về con chung*: Giao con chung tên Trần Ngọc N, sinh ngày 26/11/2015 cho bà Nguyễn Thị Bích L trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến ngày con chung thành niên.

3. *Về cấp dưỡng*: Buộc ông Trần Viết T phải cấp dưỡng nuôi con chung tên Trần Ngọc N 1.200.000 đồng/tháng (Một triệu hai trăm nghìn đồng), cấp dưỡng hàng tháng, thời gian cấp dưỡng tính từ ngày bản án có hiệu lực cho đến ngày con chung thành niên.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, bên phải thi hành án còn phải trả số tiền lãi, tương ứng với thời gian và số tiền chậm trả, theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 357 Bộ luật Dân sự 2015.

Quyền đi lại thăm nom con, chăm sóc nuôi dưỡng, giáo dục con; quyền thay đổi người trực tiếp nuôi con; yêu cầu thay đổi mức cấp dưỡng được thực hiện theo quy định Luật hôn nhân và gia đình.

4. *Về án phí*: Buộc bà Nguyễn Thị Bích L phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình về việc khởi kiện ly hôn, bà L đã dự nộp 300.000 đồng theo

biên lai thu số AA/2017/0000643 ngày 13/10/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng được chuyển thu.

Buộc ông Trần Viết T phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí cấp dưỡng nuôi con.

Các đương sự có mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng xét xử phúc thẩm.

“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự”.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKS huyện Đ;
- THADS huyện Đ;
- TAND tỉnh Lâm Đồng;
- UBND xã H, huyện Đ, tỉnh Lâm
Đồng (Quyển số 01/2015);
- Lưu AV, HS.

Lê Thị Phụng Diễm